

Số: 38/2016/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng
lúa, đất rừng phòng hộ năm 2017 tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản vi phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai được ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch
sử dụng đất;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 11386 /TTr-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất
trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2017 tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2017 tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 234 dự án cần thu hồi đất trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích các dự án là 1.150,75 ha, trong đó diện tích đất cần thu hồi là 857,6 ha (Đính kèm Phụ lục 1).

2. Danh mục 44 dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ với diện tích 663,59 ha (trong đó, đất trồng lúa là 55,43 ha, đất rừng phòng hộ 1,81 ha) và 29 trường hợp chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang các mục đích khác của hộ gia đình cá nhân với tổng diện tích đất trồng lúa là 164,05 ha (Đính kèm Phụ lục 2 và Phụ lục 3).

Đối với các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua mà chưa hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2015 và 2016, chấp thuận cho UBND tỉnh được chuyển sang tiếp tục thực hiện trong năm 2017 (Đính kèm Phụ lục 4).

Điều 2. Điều chỉnh danh mục thu hồi đất đã thông qua tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh, cụ thể:

Đưa ra khỏi danh mục thu hồi 7 dự án, công trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 và Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015. Các dự án trên có 02 dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư công, 01 dự án không triển khai thực hiện và 04 dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất (các khu vực khai thác đá xây dựng) (Đính kèm Phụ lục 4).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này, xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai, thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đồng thời tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện nhằm hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án đã được HĐND tỉnh chấp thuận.

b) Thông báo danh mục các dự án đã được HĐND tỉnh chấp thuận thông qua tại Nghị quyết này đến UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các Sở, ban, ngành có liên quan để căn cứ triển khai thực hiện trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của địa phương, đơn vị; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

c) Cụ thể giải pháp xử lý đối với các dự án chậm hoặc không triển khai đảm bảo tiến độ trong danh mục thu hồi đất hàng năm, đồng thời rà soát, phân tích tình hình triển khai thực hiện các dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh để kịp thời báo cáo điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương khi cần thiết.

d) Đối với 73 dự án với diện tích thu hồi đất là 54,3 ha nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Đồng Nai đã được HĐND tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021 thông qua tại kỳ họp thứ 2 và hiện đang trình Chính phủ, trường hợp Chính phủ phê duyệt mà chỉ tiêu sử dụng đất có thay đổi so với Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nội dung thay đổi, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh quyết định và báo cáo HĐND tỉnh vào kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị

quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tư pháp; Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
	a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương			45,68	37,76	
1	Trường thực hành của Đại học Đồng Nai	Biên Hòa	Tân Phong	8,53	7,18	Thông báo thu hồi đất số 8192/TB-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai
2	Trường THPT Tam Hiệp (mở rộng)	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,89	0,61	Văn bản số 3909/UBND-CNN ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư
3	Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	1,00	1,00	Công văn 9756/UBND-XDCB ngày 30/9/2016 của UBTP v/v điều chỉnh hồ sơ và tiếp tục triển khai dự án
4	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	0,90	Thông báo thu hồi đất số 453/TB-UBND ngày 09/7/2010 của UBND TP Biên Hòa
5	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,21	0,21	Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 16/2/2016 của UBND xã An Hòa
6	Mở rộng trường Tiểu học Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	0,26	Công văn số 7032/UBND-ĐT ngày 29/7/2016 của UB thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư
7	Trường TH Tam Phước 4	Biên Hòa	Tam Phước	1,13	1,13	Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; dự án nông thôn mới, đã được bố trí vốn đầu tư năm 2016
8	Trường MN Hòa Hưng (cơ sở 2) mở rộng	Biên Hòa	An Hòa	0,12	0,12	VB số 5217/UBND-XDCB ngày 12/8/2014 của UBND thành phố Biên Hòa (đã xây dựng xong ngoài thực địa)
9	Trường TH Phước Tân 2	Biên Hòa	Phước Tân	1,11	1,11	Quyết định số 2971/QĐ-UBND- ngày 20/8/2015 của UBND- TP về duyệt chủ trương đầu tư dự án; dự án nông thôn mới, đã được bố trí vốn đầu tư năm 2016

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
10	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,47	0,47	Theo Nghị Quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 20/07/2016 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về kế hoạch vốn năm 2017
11	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,50	0,50	Theo Nghị Quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 20/07/2016 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ
12	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,47	0,47	
13	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	Định Quán	Phú Túc	0,16	0,16	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
14	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	0,97	0,44	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
15	Phân hiệu trường TH Trần Quốc Tuấn	Định Quán	Gia Canh	0,09	0,09	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
16	Trường MN Bé Ngoan điểm áp Mít Nài (mở rộng)	Định Quán	La Ngà	0,37	0,07	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
17	Trường MN Ngọc Lan áp Hòa Thành (mở rộng)	Định Quán	Ngọc Định	0,38	0,24	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
18	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	Định Quán	Phú Hòa	0,80	0,41	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
19	Trường TH Võ Thị Sáu áp 5 (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	1,17	1,00	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
20	Trường MN Thanh Sơn điểm chính (mở rộng)	Định Quán	Thanh Sơn	1,27	0,97	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
21	Trụ sở công an xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	0,20	0,20	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
22	Trụ sở công an xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	0,20	0,20	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
23	Trụ sở công an xã	Định Quán	Thanh Sơn	0,22	0,22	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
24	Trường TH La Ngà	Định Quán	La Ngà	1,10	0,86	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
25	Trường MN Ngọc Lan (mở rộng trụ sở chính)	Định Quán	Ngọc Định	0,52	0,10	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
26	Trường MN Phú Hòa áp 3	Định Quán	Phú Hòa	0,40	0,40	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
27	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm (mở rộng)	Định Quán	Phú Tân	0,60	0,35	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
28	Trường TH Phú Tân (điểm áp 1)	Định Quán	Phú Tân	0,75	0,35	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
29	Trường MN Tuổi Thơ điểm chính	Định Quán	Thanh Sơn	0,57	0,57	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
30	Ban chỉ huy quân sự xã Long Đức	Long Thành	Long Đức	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
31	Ban chỉ huy quân sự xã Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
32	Ban chỉ huy quân sự xã Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
33	Trụ sở công an xã Long Đức	Long Thành	Long Đức	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
34	Trụ sở công an xã Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
35	Trụ sở công an xã Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
36	Trụ sở công an xã Lộc An	Long Thành	Lộc An	0,20	0,20	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
37	Trụ sở công an xã Bầu Sen	Long Khánh	Bầu Sen	0,04	0,04	Có Kế hoạch ghi vốn 2017 thị xã
38	Trụ sở công an xã Bảo Vinh	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	0,05	Có Kế hoạch ghi vốn 2017 thị xã
39	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	0,05	Có Kế hoạch ghi vốn 2017 thị xã
40	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Quang	Long Khánh	Hàng Gòn	0,05	0,05	Có Kế hoạch ghi vốn 2017 thị xã; Nghị quyết số: 47/NQ-HĐND của HDND thị xã V/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2016

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
41	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	Nhon Trạch	Phú Thạnh	0,32	0,32	- Văn bản chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh số 2034/UBND-ĐT ngày 22/3/2016. - Văn bản giới thiệu địa điểm số 1646/UBND-KT ngày 07/4/2016 của UBND huyện Nhon Trạch. - Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới xã Phú Thạnh. - Đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
42	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Nhon Trạch	Phú Thạnh	0,72	0,72	- Văn bản chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh số 2034/UBND-ĐT ngày 22/3/2016. - Văn bản giới thiệu địa điểm số 1648/UBND-KT ngày 07/4/2016 của UBND huyện Nhon Trạch. - Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới xã Phú Thạnh. - Đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
43	Trường TH Nguyễn Du	Tân Phú	Phú Sơn	1,53	1,53	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
44	Trường TH Phú Trung (mở rộng)	Tân Phú	Phú Trung	0,48	0,10	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
45	Trường THCS Trường Chinh (mở rộng)	Tân Phú	Thanh Sơn	0,88	0,29	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
46	Trụ sở BCHQS xã	Tân Phú	Phú Điền	0,14	0,14	Công trình đã được ghi vốn năm 2016
47	Trường MN Phú Bình (mở rộng)	Tân Phú	Phú Bình	1,03	0,62	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
48	Trường MN Trà Cỏ	Tân Phú	Trà Cỏ	0,77	0,77	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
49	Trường THCS Trà Cỏ (mở rộng)	Tân Phú	Trà Cỏ	0,76	0,10	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
50	Trụ sở UBND thị trấn Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,40	0,40	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
51	Trụ sở BHXH tại thị trấn Tân Phú	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,15	0,15	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
52	Trung tâm thể dục thể thao	Tân Phú	Phú Bình	2,70	2,70	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
53	Trung tâm VH-TT xã Trà Cỏ	Tân Phú	Trà Cỏ	0,86	0,86	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
54	Trụ sở công an xã Gia Tân 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10	0,10	Theo QĐ số 1583/QĐ-UBND ngày 30/05/2016 của UBND huyện Thống Nhất về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình trụ sở công an xã Gia Tân 2
55	Trường cấp THCS phía Bắc thị trấn Trảng Bom	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	1,30	1,30	VB số 5936/UBND-VP ngày 21/9/2016 về việc triển khai thông báo số 8141/TB-UBND ngày 07/09/2016 của UBND tỉnh lập hồ sơ đầu tư trường.
56	Ban chỉ huy quân sự, trụ sở công an xã	Trảng Bom	Bàu Hàm	0,33	0,33	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
57	Mở rộng trường TH Phân hiệu Phú Sơn	Trảng Bom	Bác Sơn	0,30	0,30	VB số 5936/UBND-VP ngày 21/9/2016 về việc triển khai thông báo số 8141/TB-UBND ngày 07/09/2016 của UBND tỉnh lập hồ sơ đầu tư trường học
58	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Bình Minh	0,20	0,20	Danh mục đầu tư công năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
59	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Giang Điền	0,10	0,10	Danh mục đầu tư công năm 2017
60	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,15	0,15	Danh mục đầu tư công năm 2017
61	Trường Mầm non Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,96	0,72	Phục vụ nông thôn mới
62	Trường Mầm non Mã Đà (phân hiệu chính)	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,97	0,97	Quyết định 3716/QĐ-UBND ngày 29/10/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về gởi thiệu địa điểm cho dự án
63	Trạm kiểm lâm địa bàn Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,05	0,05	VB số 454/CV-HKL ngày 11/10/2016 của Hạt Kiểm lâm Vĩnh Cửu về đăng ký KH 2017
64	Trạm kiểm lâm địa bàn Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,06	0,06	VB số 454/CV-HKL ngày 11/10/2016 của Hạt Kiểm lâm Vĩnh Cửu về đăng ký KH 2017
65	Trụ sở công an xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20	0,20	Quyết định 4314/UBND ngày 16/8/2016 của UBND huyện về ghi vốn đầu tư
66	Trường Mầm non Thiện Tân (cơ sở II ấp Ông Hường)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,70	0,70	Phục vụ nông thôn mới
67	Trường MN (phân hiệu Tân Hữu)	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,37	0,37	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
68	Trường MN Xuân Hưng (mở rộng phân hiệu ấp 5)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,05	0,05	Đã có kế hoạch bố trí vốn năm 2017; Đã có thông báo thu hồi đất của UBND huyện tại thông báo số 71/TB-UBND ngày 02/3/2016.
69	Trường MN Xuân Hưng (mở rộng phân hiệu chính ấp 4)	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,17	0,17	Đã có thông báo thu hồi đất số 71/TB-UBND ngày 02/3/2016; Đã được Ban Quản lý huyện đề xuất tại Công văn số 270/BC-QLDA ngày 12 tháng 11 năm 2016 dựa trên kế hoạch đầu tư công trung đoạn giai đoạn 2016 - 2020 của huyện Xuân Lộc
70	Giếng khoan quan trắc (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28)	Xuân Lộc	Các xã	0,12	0,12	Đã có Công văn số 4488/UBND-CNN ngày 02/6/2016 của UBND tỉnh về việc lập thủ tục đất đai để thực hiện các giếng khoan quan trắc tại huyện Xuân Lộc; Văn bản 1740/UBND-KT ngày 07/6/2016 của UBND huyện về việc lập thủ tục đất đai để thực hiện các giếng khoan quan trắc
71	Giếng khoan quan trắc (NB-19AB; NB-22AB)	Xuân Lộc	Các xã	0,04	0,04	Đã có Công văn số 4488/UBND-CNN ngày 02/6/2016 của UBND tỉnh về việc lập thủ tục đất đai để thực hiện các giếng khoan quan trắc tại huyện Xuân Lộc; Văn bản 1740/UBND-KT ngày 07/6/2016 của UBND huyện về việc lập thủ tục đất đai để thực hiện các giếng khoan quan trắc
72	Trụ sở làm việc ấp Suối Cát 2	Xuân Lộc	Suối Cát	0,18	0,18	Phục vụ nhu cầu nông thôn mới
73	Hội trường làng Dân tộc Stiêng	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,11	0,11	Phục vụ nhu cầu nông thôn mới
74	Trường THCS Nguyễn Trãi (mở rộng)	Xuân Lộc	Xuân Thọ	1,20	0,33	Phục vụ nhu cầu nông thôn mới nâng cao

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
75	Nhà văn hoá dân tộc Chăm xã Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,33	0,33	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 2907/UBND-KT ngày 25/8/2016 vv thỏa thuận địa điểm cho Ban quản lý dự án lập dự án đầu tư xây dựng NVH dân tộc Chăm xã Xuân Hưng; Nguồn vốn năm 2017
	b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải			528,89	364,62	
76	Xây dựng đường D1 khu dân cư theo quy hoạch tại khu phố Bình Dương - Công ty An Hưng Phát	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,07	0,07	Văn bản số 3683/UBND-XDCB ngày 11/5/2016 của UBND thành phố về việc thỏa thuận địa điểm
77	Đường vào trường Nguyễn Thị Sáu	Biên Hòa	An Hòa	0,27	0,27	CV số 10299/UBND-XDCB ngày 13/10/2016 của UBTP vv chấp thuận chủ trương bổ sung hạng mục đường vào trường
78	Đường vào Nhà tang lễ	Biên Hòa	Bừu Long	0,37	0,37	Văn bản số 2636/UBND-ĐT ngày 08/4/2016 của UBND thành phố về việc thỏa thuận địa điểm
79	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bừu Long	7,40	7,40	Đầu tư theo hình thức BT theo kết luận của đồng chí Trần Văn Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 29/6/2016
80	Đường song hành QL1 tại khu vực Amata	Biên Hòa	Long Bình	0,51	0,05	Văn bản số 2198/UBND-CNN ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư
81	Đường nối Phan Đình Phùng và Hồ Văn Đại (QH-D1)	Biên Hòa	Quang Vinh	1,82	1,82	Thông báo thu hồi đất số 5088/TB-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh ĐN
82	Đường vào Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,33	0,33	Quyết định thu hồi đất số 1697/QĐ-UBND ngày 19/6/2009 của UBND Tỉnh ĐN
83	Hầm chui ngã tư Tân Phong	Biên Hòa	Tân Tiến, Trảng Dài	2,93	0,02	Quyết định phê dự án số 3558/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND Tỉnh Đồng Nai
84	Tuyến đường kết nối vào khu nhà ở kết hợp du lịch (đường D6 và D35) phường Tân Vạn - Công ty Tín Nghĩa Á Châu	Biên Hòa	Tân Vạn	7,88	7,88	Công văn số 4998/UBND-XDCB ngày 13/6/2016 của UBND thành phố Biên Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư
85	Đường vào trường THCS Nguyễn Văn trôi và trường MN Tân Vạn	Biên Hòa	Tân Vạn	1,27	0,07	Đã được ghi vốn thực hiện trong năm 2017
86	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	1,87	CV số 406/UBND-ĐT ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
87	Đường liên phường Trảng Dài - Tân Hiệp	Biên Hòa	Trảng Dài; Tân Hiệp	6,79	6,79	Thông báo số 2104/TB-SGTVT ngày 06/5/2016 của Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai đầu tư dự án theo hình thức BT
88	Đường từ Đồng Khởi đến đường Nguyễn Văn Hoài (Chống ùn tắc ngã tư Tân Phong)	Biên Hòa	Tân Phong	3,50	3,50	Thông báo số 2104/TB-SGTVT ngày 06/5/2016 của Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai đầu tư dự án theo hình thức BT
89	Đường vào THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,23	0,23	Được bố trí vốn năm 2017
90	Dự án nạo vét suối Sân Máu (đoạn bổ sung từ điểm cuối K6 + 052 đến sông Cái)	Biên Hòa	Tân Mai, Thống Nhất	0,32	0,32	- Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai; - Văn bản số 305/BQL-KHKT ngày 13/9/2016 về bổ sung kế hoạch SDD năm 2016 Dự án nạo vét suối Sân Máu (đoạn bổ sung từ điểm cuối K6 + 052 đến sông Cái)
91	Trạm biến áp 110Kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	0,27	0,27	Đã được thỏa thuận địa điểm
92	Hồ Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	50,00	50,00	Theo Nghị Quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 20/07/2016 của hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ về kế hoạch vốn năm 2017
93	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	130,16	49,78	Văn bản 1094/KQL-BQL ngày 23/10/2014 của Sở GTVT Đồng Nai về lập hồ sơ dự án đường Xuân Bắc - Thanh Sơn
94	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	Định Quán	TT.Định Quán	0,40	0,40	Văn bản số 128/BC-UBND ngày 14/10/2016 của UBND TT Định Quán về đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2017
95	Đường 107 - Tư Sở	Định Quán	Thanh Sơn	23,39	6,46	Phục vụ nhu cầu Nông thôn mới
96	Trạm bơm áp 7 và kênh tưới Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	2,02	2,02	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
97	Đường tổ 3 ấp Tân Phong	Long Khánh	Hàng Gòn	0,30	0,30	Nguồn vốn XHHGTNT, phục vụ nông thôn mới
98	Đường tổ 24 ấp Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,30	0,30	Nguồn vốn XHHGTNT, phục vụ nông thôn mới
99	Đường số 4 Xuân Tân	Long Khánh	Xuân Tân	2,57	2,57	Nguồn vốn XHHGTNT, phục vụ nông thôn mới
100	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	15,00	1,38	Hợp UBND huyện thống nhất ngày 7/11/2016
101	Đường vào KDC Biệt thự vườn Cầu Xéo	Long Thành	TT.Long Thành	0,85	0,85	Hợp UBND huyện thống nhất ngày 7/11/2016
102	Đường Phước Bình	Long Thành	các xã	17,10	3,27	VB số: 4818/UBND-ĐT V/v đầu tư tuyến đường kết nối QL51 vào khu công nghiệp Phước Bình theo hình thức hợp đồng BT

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
103	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Bình	5,44	4,00	Đã có chủ trương thực hiện dự án của UBND huyện tại Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 07/9/2016; Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
104	Đường be 29 đoạn từ km0+00 đến km 3+560 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	4,30	0,64	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
105	Đường Năm Rười (mở rộng đoạn từ áp 2 đến bến đò)	Tân Phú	Phú Thịnh	3,37	1,52	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
106	Đường Phú Trung - Phú An	Tân Phú	Phú Trung, Phú An	11,54	7,31	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
107	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	12,00	6,00	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
108	Đường kênh N2	Tân Phú	Thanh Sơn	1,15	1,15	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Nguồn vốn huy động từ xã hội hóa
109	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn gd2 (mở rộng)	Tân Phú	Thanh Sơn	4,37	0,85	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
110	Đường Trương Công Định	Tân Phú	TT Tân Phú, Trà Cỏ	1,61	0,77	Đã có chủ trương thực hiện dự án của UBND huyện tại Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của UBND huyện; Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
111	Đường Hùng Vương (đoạn từ khu tái định cư 9,7 ha đến trường TH Nguyễn Huệ và đoạn từ khu tái định cư 9,7 ha đến Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao)	Tân Phú	TT. Tân Phú	2,67	1,30	Đã có chủ trương thực hiện dự án của UBND huyện tại Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của UBND huyện; Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
112	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ khu tái định cư 9,7 ha đến đường Nguyễn Tri Phương)	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,43	0,43	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
113	Trạm bơm áp 3	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,10	0,10	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Nguồn vốn huy động từ xã hội hóa
114	Đường Song hành phía đông Quốc Lộ 20	Thống Nhất	Các xã	26,00	26,00	Theo VB số 609/BC-UBND ngày 12/10/2016 của UBND huyện Thống Nhất về kế hoạch vốn đầu tư công 2017
115	Đường 29/4 (đoạn trước NT cao su)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	0,40	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số: 1520/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND huyện
116	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	0,50	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số: 897/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND huyện
117	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,60	0,60	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số: 895/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND huyện
118	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng Hoàng đến QL 1A)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,55	0,55	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số: 893/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND huyện
119	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,80	0,36	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số: 894/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND huyện
120	Đường Đinh Quang Ân	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,38	0,19	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư số: 1160/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND huyện
121	Đường số 11	Trảng Bom	An Viễn	0,28	0,12	Danh mục đầu tư công năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
122	Đường Tây Hòa - Trung Hòa	Trảng Bom	Các xã	10,83	7,57	Danh mục đầu tư công năm 2017
123	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	9,05	9,05	Thông báo số 8141/TB-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh thông báo kết luận của đồng chí Đinh Quốc Thái - Chủ tịch UBND tỉnh; Văn bản số 5936/UBND-VP ngày 21/9/2016 của UBND huyện Trảng Bom về việc giao Ban QLDA đề xuất dự án đầu tư
124	Mở rộng đường Sông Dinh (8m)	Trảng Bom	Tây Hòa	1,82	0,42	Danh mục đầu tư công năm 2017
125	Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ	Trảng Bom	Thanh Bình	2,80	0,21	Danh mục đầu tư công năm 2017
126	Cải tạo tăng công suất tải đường dây 110kV từ TBA 500kV Sông Mây - TBA 110kV Bắc Sơn (đoạn số 1) và từ TBA 110 Bắc Sơn - TBA 110kV Tân Hòa	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,03	0,03	Công văn số 4543/PCĐN-BQLDA ngày 21/10/2016 của Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai về việc đăng ký danh mục các công trình điện 110kV cần thu hồi đất năm 2017
127	Đường dây Sông Mây, uyển Hưng 220kv	Vĩnh Cửu	Tân An	0,75	0,02	Văn bản số 752/UBND-CNN ngày 24/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất thỏa thuận hướng tuyến
128	Đường Quang Trung nối dài (từ ngã tư UBND huyện đến giáp đường Lê Quý Đôn)	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	5,10	3,26	Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư cho công trình
129	Bến thủy nội địa (Công ty TNHH Bảo Kim Ngân)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,60	0,60	VB số 2239/UBND_KT ngày 13/6/2016 của UBND huyện về đăng ký công trình
130	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Hàm 2	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,15	0,15	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh chủ trương đầu tư
131	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Điền	Tân Phú	Phú Điền	0,18	0,18	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh chủ trương đầu tư
132	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Trung Tâm	Long Khánh	Xuân Lập	0,10	0,10	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh chủ trương đầu tư
133	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Phú Mỹ	Long Khánh	Xuân Lập	0,05	0,05	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh chủ trương đầu tư
134	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Cạn	Long Thành	Bàu Cạn	0,24	0,24	Phục vụ nhu cầu nông thôn mới
135	Kênh mương (ấp Bung Cạn)	Xuân Lộc	Bảo Hòa	0,22	0,11	Nhu cầu Nông thôn mới
136	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Xuân Lộc	các xã	14,78	14,78	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2016;
137	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	29,44	29,44	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
138	Đường Xuân Thành - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	25,60	25,60	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
139	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (mở mới)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	21,12	21,12	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
140	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (mở rộng)	Xuân Lộc	TT Gia Ray	0,30	0,30	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
141	Tỉnh lộ 765 (GD 2)	Xuân Lộc	Các xã	7,00	7,00	Trung tâm phát triển quỹ đất đăng ký nhu cầu 7 ha tại công văn số 144/TTPTD.CNXL ngày 12/10/2016

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
142	Hệ thống cấp nước tập trung TT.Gia Ray (mở rộng) và đầu nối đường ống	Xuân Lộc	TT Gia Ray	0,54	0,23	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
143	Hệ thống mương thoát nước	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,60	1,60	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
144	Hệ thống kênh mương	Xuân Lộc	Các xã	13,10	13,10	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới nâng cao
145	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50	11,50	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
146	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	0,12	0,12	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
147	Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	Định Quán	Thanh Sơn	6,40	6,40	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
148	Trạm 110kV khu đô thị Long Hưng và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	0,40	Văn bản thỏa thuận hướng tuyến số 5500/UBND-CNN ngày 15/7/2015 của UBND tỉnh
149	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây đầu nối	Định Quán	La Ngà	0,64	0,64	Quyết định số 2273/QĐ-PCĐN ngày 12/10/2016 của cty TNHHMTV Điện lực Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng công trình; sử dụng vốn vay ODA
150	Đường dây 110 kV Vĩnh An - Định Quán 2	Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Định Quán, Thống Nhất	các xã	0,63	0,63	Quyết định số 2276/QĐ-PCĐN ngày 12/10/2016 của cty TNHHMTV Điện lực Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng công trình; sử dụng vốn vay ODA
151	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,21	0,21	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư
152	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	Vĩnh Cửu	Mã Đà	1,27	1,27	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư
153	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	Vĩnh Cửu	Tân An	1,00	1,00	Kế hoạch số 9668/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư
154	Hệ thống thủy lợi	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,25	0,25	Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND huyện Vĩnh Cửu
155	Đường dân sinh (đọc đường cao tốc)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	2,55	2,55	Theo văn bản 5018/STNMT-QH ngày 24/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường
156	Mương thoát lũ (đọc đường cao tốc)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,19	0,19	Theo văn bản 5018/STNMT-QH ngày 24/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường
157	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,05	0,05	Theo văn bản số 433/UBND-TNMT ngày 30/09/2016 của P.TNMT huyện Cẩm Mỹ về việc chấp thuận giao đầu tư
158	Trạm trung chuyển rác	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,04	0,04	
159	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc	Xuân Đông	1,14	1,14	Quyết định số 2275/QĐ-PCĐN ngày 12/10/2016 của cty TNHHMTV Điện lực Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng công trình; sử dụng vốn vay ODA
160	Trạm bơm dã chiến áp 8	Tân Phú	Đắc Lua	0,35	0,35	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
161	Trạm bơm áp 6A, 6B	Tân Phú	Núi Tượng	0,04	0,04	Sở KHĐT có kế hoạch ghi vốn năm 2016 tại công văn số 2443/SKHĐT-KTN ngày 23 tháng 9 năm 2015; Đã có chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp trạm bơm áp 6a, 6b xã Núi Tượng huyện Tân Phú của UBND tỉnh tại quyết định số 2301/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2015
162	Hệ thống cấp nước tập trung	Tân Phú	Thanh Sơn	0,22	0,22	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
163	Đường từ cầu tập đoàn 7 vào cánh đồng lúa	Xuân Lộc	Các xã	0,08	0,08	Nhu cầu Nông thôn mới
164	Hệ thống tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Long Khánh	các xã	1,00	1,00	Công văn số 9608/UBND-CNN ngày 13/10/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện đầu tư xây dựng dự án thoát lũ xã Bình Lộc
	c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			25,19	23,26	
165	Khu nhà ở xã hội	Biên Hòa	Tam Hòa	0,75	0,75	QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBT chấp thuận chủ trương đầu tư
166	Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,32	0,32	Văn bản số 8509/UBND-ĐT ngày 05/9/2016 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thỏa thuận địa điểm; dự án đã có nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu
167	Chợ Phú Hòa (mở rộng)	Định Quán	Phú Hòa	0,57	0,20	Nhu cầu thực tế địa phương
168	Nhà văn hóa ấp Hòa Đồng	Định Quán	Ngọc Định	0,03	0,03	Văn bản số 2285/UBND-NL ngày 26/10/2015 của UBND huyện Định Quán về đăng ký chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2016
169	Nhà văn hóa ấp Hòa Thành	Định Quán	Ngọc Định	0,10	0,10	Văn bản số 2285/UBND-NL ngày 26/10/2015 của UBND huyện Định Quán về đăng ký chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2016
170	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Phú Tâm	Định Quán	Phú Cường	0,07	0,07	Văn bản số 2285/UBND-NL ngày 26/10/2015 của UBND huyện Định Quán về đăng ký chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2016
171	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 2	Định Quán	Phú Lợi	0,08	0,08	Văn bản số 2285/UBND-NL ngày 26/10/2015 của UBND huyện Định Quán về đăng ký chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2016
172	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp 3	Định Quán	Phú Lợi	0,10	0,10	Văn bản số 2285/UBND-NL ngày 26/10/2015 của UBND huyện Định Quán về đăng ký chỉ tiêu xây dựng NTM năm 2016

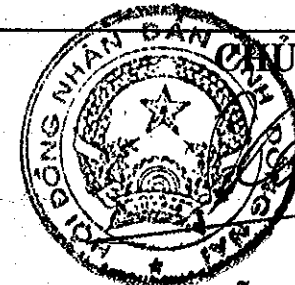
STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
173	Đường và khu tái định cư ấp 3 xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Lợi	10,70	10,70	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017
174	Khu tái định cư chợ Suối Nho	Định Quán	Suối Nho	0,24	0,24	Có kế hoạch bố trí vốn năm 2017, Quyết định 3035/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của UBND huyện Định Quán về phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ tái định cư chợ Suối Nho
175	Nhà văn hóa ấp Ruộng Hời	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	0,05	Phục vụ nông thôn mới
176	Nhà văn hóa ấp 2 Bình Lộc (mở rộng)	Long Khánh	Bình Lộc	0,02	0,01	Phục vụ nông thôn mới
177	Khu đất tái định cư 4D	Long Khánh	Xuân Lập	1,13	1,13	Đang triển khai thực hiện
178	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Tân Phú	Đắc Lua	0,05	0,05	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn năm 2016
179	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5a	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	0,10	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn năm 2016
180	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Lợi	Tân Phú	Phú Trung	0,04	0,04	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
181	Giáo xứ Bình Lộc	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,89	0,20	Theo tờ trình số 427/TTr-HĐBT, HT&TĐC ngày 30/05/2016 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thống Nhất về việc ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng công trình Tôn giáo.
182	Mở rộng nghĩa địa	Trảng Bom	Bàu Hàm	2,37	2,03	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
183	Chợ Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,84	0,84	Quyết định 7960/UBND-KT ngày 1/9/2016 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư
184	Nhà văn hóa ấp 1	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,05	0,05	Quyết định 5369/UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện về đầu tư công trình nông thôn mới
185	Nhà văn hóa ấp 2	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,05	0,05	Quyết định 5369/UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện về đầu tư công trình nông thôn mới
186	Nhà văn hóa ấp Ông Hường	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,05	0,05	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
187	Chùa Phước Lộc (mở rộng)	Xuân Lộc	TT Gia Ray	0,01	0,01	Đang thực hiện thỏa thuận địa điểm
188	Chùa Quan Âm	Xuân Lộc	Xuân Định	0,44	0,04	Đang thực hiện thủ tục giao đất
189	Nghĩa trang Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	3,00	3,00	Phục vụ nhu cầu của địa phương
190	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,07	0,07	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
191	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,20	0,20	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
192	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,50	0,50	Đã đưa vào KHSDĐ 2016 nhưng điều chỉnh vị trí; Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
193	Sân bóng đá xã	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,60	0,60	Phục vụ nông thôn mới
194	Nghĩa địa ấp 4 (mở rộng)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,47	0,47	Huyện có chủ trương cho thực hiện trước (công trình cấp bách)

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
195	Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm	Cám Mỹ	Xuân Mỹ	0,09	0,09	Phục vụ nhu cầu nông thôn mới
196	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 11	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	0,10	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
197	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	0,10	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
198	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Dũng	Tân Phú	Phú Bình	0,03	0,03	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
199	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Kiên	Tân Phú	Phú Bình	0,03	0,03	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
200	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Tân Phú	Phú Điền	0,05	0,05	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
201	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Tân Phú	Phú Điền	0,05	0,05	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
202	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Thắng	Tân Phú	Phú Trung	0,05	0,05	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
203	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Ngọc Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,05	0,05	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
204	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Chim	Tân Phú	Phú Xuân	0,03	0,03	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
205	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2	Tân Phú	Phú Xuân	0,04	0,04	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
206	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3	Tân Phú	Phú Xuân	0,04	0,04	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Công trình đã được ghi vốn trong năm 2016
207	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	Tân Phú	Trà Cỏ	0,04	0,04	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
208	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Tân Phú	Trà Cỏ	0,05	0,05	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
209	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4	Tân Phú	Trà Cỏ	0,05	0,05	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
210	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Tân Phú	Trà Cỏ	0,13	0,13	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
211	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 6	Tân Phú	Trà Cỏ	0,05	0,05	Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
212	Nhà Văn hóa Hòa Bình	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,04	0,04	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh số 5992/UBND-ĐT ngày 14/7/2016. - Văn bản giới thiệu địa điểm số 4292/UBND-KT ngày 05/8/2016 của UBND huyện Nhon Trạch. - Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Thanh - Đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (do điều chỉnh vị trí)

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
213	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	0,05	- Văn bản chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh số 5992/UBND-ĐT ngày 14/7/2016. - Văn bản giới thiệu địa điểm số 4293/UBND-KT ngày 05/8/2016 của UBND huyện Nhon Trạch. - Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Thanh - Đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (do điều chỉnh vị trí)
214	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,03	0,03	- Văn bản chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh số 5992/UBND-ĐT ngày - Văn bản giới thiệu địa điểm số 4294/UBND-KT ngày 05/8/2016 của UBND huyện Nhon Trạch. - Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Thanh - Đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (do điều chỉnh vị trí)
215	Chợ Thọ Lộc	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,20	0,08	Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới nâng cao.
	d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			424,99	305,96	
216	Khu dân cư tạo vốn (phục vụ đường ven sông Đồng Nai từ cầu Mới đến bến đò Trạm theo hình thức BT)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	12,00	Phục vụ đường ven sông Đồng Nai từ cầu Mới đến bến đò Trạm theo hình thức BT
217	Khu dân cư suối cầu Vạt (Công ty TNHH Thành Thái Thịnh)	Biên Hòa	Tân Mai	18,08	9,80	Văn bản TTĐĐ số 503/UBND-ĐT ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh
218	Khu nhà ở và dịch vụ công cộng (Công ty bia Sài Gòn)	Biên Hòa	Long Bình	2,96	2,96	CV số 2971/UBND-ĐT ngày 22/4/2015 của UBND tỉnh VV đầu tư xây dựng
219	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 2 - Công ty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	1,72	1,72	VB TTĐĐ số 5242/UBND-ĐT ngày 20/6/2016 của UBND thành phố Biên Hòa
220	Khu dân cư thương mại dịch vụ quy hoạch (Công ty giấy Tân Mai)	Biên Hòa	Thống Nhất	28,86	28,86	QĐ 2946/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh v/v duyệt ĐC cục bộ QH phân khu xây dựng 1/2000 phường Thống Nhất: ĐC tuyến đường D9 và khu vực xung quanh có liên quan
221	Khu dân cư tạo vốn đường từ cầu Bửu Hòa đến QL1K (dự án BT)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,00	40,00	Nguồn vốn của chủ đầu tư dự án tuyến đường từ cầu Bửu Hòa đến QL 1K
222	Khu dân cư theo quy hoạch	Biên Hòa	Tam Phước	8,98	8,98	Quyết định chủ trương đầu tư số 3785/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
223	Khu dân cư An Thuận (giai đoạn 3)	Long Thành	Long An	47,60	47,60	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 9650/UBND-ĐT ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh
224	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT.Long Thành	4,60	4,60	VB số 4582/UBND-NN ngày 01/8/2016 của UBND huyện Long Thành V/v chấp thuận cho công ty TNHH MTV Nam Long Long Thành đầu tư khu dân cư theo quy hoạch tại TT.Long Thành
225	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS đo đạc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	5,69	VB chấp thuận số 424/UBND-ĐT ngày 18/1/2016 của UBND tỉnh
226	Cụm CN Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	50,00	Văn bản số 2309/UBND-NL ngày 24/10/2016 của Ủy ban huyện kiến nghị thỏa thuận địa điểm và Sở KHĐT đã tổ chức khảo sát
227	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	8,16	VB 6280/UBND-ĐT ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh v/v thỏa thuận địa điểm đầu tư
228	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,90	9,90	VB 5999/UBND-ĐT ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh v/v thỏa thuận địa điểm đầu tư
229	Đô thị du lịch xã Đại Phước(Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,75	20,00	CV 180/CV-TCT ngày 25/8/2016 v/v đăng ký kế hoạch sử dụng đất các dự án tại huyện Nhơn Trạch của TCT Tín Nghĩa năm 2017; Văn bản giới thiệu địa điểm lại số 8948/UBND-ĐT ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai
230	Cụm công nghiệp Hưng Thịnh	Trảng Bom	Hưng Thịnh	35,00	35,00	Văn bản thỏa thuận địa điểm số 9652/UBND-ĐT ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh.
231	Cụm Công Nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	20,69	20,69	Văn bản số 3746/UBND-KT ngày 19/10/2016 của UBND huyện Xuân lộc về việc đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Xuân Hưng
	đ) Dự án khai thác khoáng sản (đưa vào để đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 14 Thông tư số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường- Bộ Tài chính)			126,00	126,00	

STT	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
232	Mỏ đá xây dựng Núi Nứa 2	Long Khánh	Xuân Lập	50,00	50,00	- Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; - Văn bản số 10941/UBND-CNN ngày 15/11/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Núi Nứa thuộc xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh.
233	Mỏ cát xây dựng Long An	Long Thành	Long An	30,00	30,00	- Quyết định số 61/QDD-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; - Văn bản số 9898/UBND-CNN ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
234	Mỏ đá xây dựng Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	46,00	46,00	- Quyết định số 61/QDD-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; - Văn bản số 4144/STNMT-KS ngày 07/9/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thu hồi đất, bồi thường để đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá xây dựng Gia Canh, huyện Định Quán



Nguyễn Phú Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2017
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)

ST T	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
1	Đất cụm công nghiệp			50,00	0,51	-	-	
1	Cụm CN Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	0,51	-	-	Văn bản số 2309/UBND-NL ngày 24/10/2016 của Ủy ban huyện kiến nghị thỏa thuận địa điểm
	2. Đất thương mại, dịch vụ			0,20	0,20	-	-	
2	Trạm xăng dầu	Tân Phú	Thanh Sơn	0,20	0,20			Nhu cầu thực tế của địa phương
	3. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			7,91	5,30	-	-	
3	Làng nghề mây tre đan Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03	-	-	Đã có hiện trạng, đăng ký làm thủ tục thuê đất
4	Công ty Hùng Tân	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,27	0,27			Đã có trong KHSDD Đ năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
5	Khu lò gạch	Xuân Lộc	Xuân Hòa	5,00	5,00			Đã có trong KHSDD Đ năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
	4. Đất phát triển hạ tầng			343,12	9,27	1,81	-	
	4.1. Đất cơ sở giáo dục - đào tạo			0,90	0,06	-		
6	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	0,06			Thông báo thu hồi đất số 453/TB-UBND ngày 09/7/2010 của UBND TP Biên Hòa
	4.2. Đất cơ sở thể dục - thể thao			0,65	0,29	-	-	

ST T	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
7	Sân bóng đá và nhà văn hóa (ấp 4)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,65	0,29			Đã có trong KHSDD Đ năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
	4.3. Đất giao thông			320,27	5,46	1,81	-	
8	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	0,51			Đầu tư theo hình thức BT theo kết luận của đồng chí Trần Văn Vĩnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại CV số 406/UBND-ĐT ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh vv chấp thuận chủ trương đầu tư
9	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	0,32			Danh mục đầu tư công năm 2017
10	Đường Tây Hòa - Trung Hòa	Trảng Bom	Các xã	10,83	0,18			Danh mục đầu tư công năm 2017
11	Mở rộng đường Sông Dinh (8m)	Trảng Bom	Tây Hòa	1,82	0,18			Có chấp thuận chủ trương của UBND huyện
12	Đường vào KDC Biệt thự vườn Cầu Xéo	Long Thành	TT.Long Thành	0,85	0,85			Đã có chủ trương thực hiện dự án của UBND huyện tại Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày
13	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Bình	5,44	0,15			Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
14	Đường Năm Rươi (mở rộng đoạn từ ấp 2 đến bến đò)	Tân Phú	Phú Thịnh	3,37				Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
15	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	12,00		0,19		Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới; Nguồn vốn huy động từ xã hội hóa
16	Đường kênh N2	Tân Phú	Thanh Sơn	1,15				Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
17	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn gd2 (mở rộng)	Tân Phú	Thanh Sơn	4,37	0,01			Quyết định 5037/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu
18	Đường Quang Trung nối dài (từ ngã tư UBND huyện đến giáp đường Lê Quý Đôn)	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	5,10	0,40			Nhu cầu địa phương
19	Đường Tà Lài - Trà Cỏ (mở rộng)	Định Quán	Các xã	11,44	0,16			Văn bản 1094/KQL-BQL ngày 23/10/2014 của Sở GTVT Đồng Nai về lập hồ sơ dự án đường
20	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	130,16	0,03			Văn bản số 128/BC-UBND ngày 14/10/2016 của UBND TT Định Quán về đăng ký kế hoạch sử
21	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	Định Quán	TT.Định Quán	0,40	0,24			Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
22	Đường 107 - Tư Sở	Định Quán	Thanh Sơn	23,39	0,01	0,07		Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
23	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	29,44	0,11			

ST T	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
24	Đường Xuân Thành - Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	25,60	0,42	1,55		Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
25	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (mở mới)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	21,12	0,19			Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
26	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc (Đường Xuân Trường - Xuân Thọ)	Xuân Lộc	Các xã	17,52	1,31	-		Đã có trong KHSDD Đ năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
27	Tỉnh lộ 765 (GD 2)	Xuân Lộc	Các xã	7,00	0,39	-		Đã có trong KHSDD Đ năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
	4.4. Đất thủy lợi			21,30	3,46	-		
28	Kênh mương nội đồng	Tân Phú	Phú Bình	5,59				Trung tâm phát triển quỹ đất đăng ký nhu cầu đăng ký nhu cầu 7 ha theo Văn bản số
29	Tuyến kênh N15 (hệ thống kênh dẫn nước hồ Gia Măng)	Xuân Lộc	Lang Minh	1,68	1,25			Thông báo thu hồi đất số 4313/TB-UBND ngày 03/6/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai (trong hệ
30	Tuyến kênh thuộc xã Xuân Hiệp (kênh dẫn nước hồ Gia Măng)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	12,43	1,53			Thông báo thu hồi đất số 4313/TB-UBND ngày 03/6/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai (trong hệ
31	Hệ thống mương thoát nước	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,60	0,68			Có kế hoạch ghi vốn năm 2017
	5. Đất ở			251,06	36,94	-	-	
32	Khu dân cư tạo vốn (phục vụ đường ven sông Đồng Nai từ cầu Mới đến bến đò Trạm theo hình	Biên Hòa	Bừu Long	12,00	0,41			Phục vụ đường ven sông Đồng Nai từ cầu Mới đến bến đò Trạm theo hình thức BT
33	Khu dân cư suối cầu Vạt (Công ty TNHH Thành Thái Thịnh)	Biên Hòa	Tân Mai	18,08	0,89			Văn bản TTĐĐ số 503/UBND-ĐT ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh
34	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 2 - Công ty cổ phần Đình Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	1,72	0,20			VB TTĐĐ số 5242/UBND-ĐT ngày 20/6/2016 của UBND thành phố Biên Hòa
35	Khu dân cư thương mại dịch vụ quy hoạch (Công ty giấy Tân Mai)	Biên Hòa	Thống Nhất	28,86	0,99			QĐ 2946/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh
36	Khu dân cư Thương mại dịch vụ	Biên Hòa	Bừu Hòa, Tân Vạn	21,30	1,21			Đã được HĐND tỉnh thông qua dự án cần thu hồi đất tại Nghị quyết số 144 nhưng thiếu diện tích đất
37	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	1,85			VB chấp thuận số 424/UBND-ĐT ngày 18/1/2016 của UBND tỉnh
38	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT.Long Thành	4,60	4,60			VB số 4582/UBND-NN ngày 01/8/2016 của UBND huyện Long Thành
39	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhon Trạch	Phú Thạnh	8,16	5,50			VB6280/UBND-ĐT ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh vv thỏa thuận địa điểm đầu tư

ST T	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
40	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhon Trạch	Phước Thiện	9,90	9,50			VB 5999/UBND-ĐT ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh vv thỏa thuận địa điểm đầu tư
41	Đồ thị du lịch xã Đại Phước(Tín Nghĩa)	Nhon Trạch	Đại Phước	130,75	8,92			CV 180/CV-TCT ngày 25/8/2016 vv đăng ký kế hoạch sử dụng đất các dự án tại huyện Nhơn Trạch
42	Khu tái định cư Trường bắn	Xuân Lộc	Xuân Tâm	10,00	2,87			Đã có trong KHSDD năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
	6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan			0,20	0,20	-		
43	Trụ sở công an xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	0,20	0,20	-		Phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới
	7. Đất làm nông nghiệp khác			11,10	3,01	-	-	
44	Trang trại của Công ty TNHH MTV Nguyên Toàn Tâm	Xuân Lộc	Xuân Thành	11,10	3,01			Đã có trong KHSDD năm 2016, sau khi rà soát hồ sơ thì dự án có sử dụng đất trồng lúa.
B	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân							
I	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở			19,75	19,75			
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	0,50	0,50			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Thống Nhất	Các xã	0,20	0,20			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn	3,00	3,00	-		Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	6,55	6,55			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	3,50	3,50			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
II	Chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp. Trong đó:							
	a. Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm			52,20	52,20			

ST T	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
1	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	9,20	9,20			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường	7,00	7,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
6	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
7	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn	10,00	10,00	-		Theo nhu cầu thực tế của địa phương
8	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
	b. Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác			76,00	76,00			
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã	10,00	10,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	11,00	11,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã, thị trấn	15,00	15,00	-		Theo nhu cầu thực tế của địa phương
6	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	25,00	25,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
	c. Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản			8,00	8,00			
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã	2,00	2,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương

ST T	Tên công trình, dự án	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
3	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
III	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở			8,10	8,10			
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn	0,60	0,60			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn	0,50	0,50			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	4,00	4,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	2,00	2,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương



Nguyễn Phú Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 3

**CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN NĂM 2017
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)

ST T	Tên công trình, dự án	Loại đất	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
						Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
I	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở				19,75	19,75			
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	ONT	Cẩm Mỹ	Các xã	0,50	0,50			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	ONT	Thống Nhất	Các xã	0,20	0,20			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	ONT	Định Quán	Các xã, thị trấn	3,00	3,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở		Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở		Trảng Bom	Các xã, thị trấn	6,55	6,55			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở		Long Thành	Các xã, thị trấn	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	ONT	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	3,50	3,50			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
II	Chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp. Trong đó:								
	a. Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm				52,20	52,20			
1	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	Cẩm Mỹ	Các xã	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	Thống Nhất	Các xã	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương

ST T	Tên công trình, dự án	Loại đất	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
						Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
3	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm		Trảng Bom	Các xã, thị trấn	9,20	9,20			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm		Long Thành	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	Long Khánh	Các xã, phường	7,00	7,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
6	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
7	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	Định Quán	Các xã, thị trấn	10,00	10,00	-		Theo nhu cầu thực tế của địa phương
8	Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
	b. Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác				76,00	76,00			
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	NKH	Cẩm Mỹ	Các xã	10,00	10,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	NKH	Thống Nhất	Các xã	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác		Trảng Bom	Các xã, thị trấn	11,00	11,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
4	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	NKH	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	NKH	Định Quán	Các xã, thị trấn	15,00	15,00	-		Theo nhu cầu thực tế của địa phương

ST T	Tên công trình, dự án	Loại đất	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
						Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
6	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	NKH	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	25,00	25,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
	c. Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản				8,00	8,00			
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	NTS	Cẩm Mỹ	Các xã	2,00	2,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	NTS	Tân Phú	Các xã, thị trấn	5,00	5,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	NTS	Định Quán	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
III	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở				8,10	8,10			
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	PNK	Tân Phú	Các xã, thị trấn	1,00	1,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở		Trảng Bom	Các xã, thị trấn	0,60	0,60			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở		Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	4,00	4,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương

ST T	Tên công trình, dự án	Loại đất	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Tổng diện tích công trình (ha)	Trong đó:			Cơ sở đề xuất
						Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng(ha)	
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	PNK	Định Quán	Các xã, thị trấn	0,50	0,50			Theo nhu cầu thực tế của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	PNK	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	2,00	2,00			Theo nhu cầu thực tế của địa phương



Nguyễn Phú Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

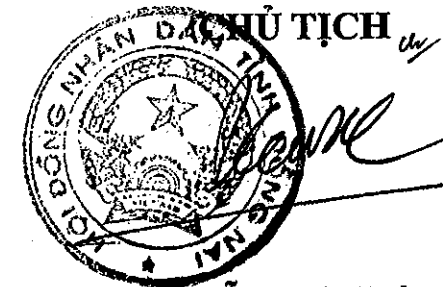
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)

ST T	Tên công trình, dự án	Loại đất	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
1	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc	DGT	Long Khánh	Các xã	20,24	10,93	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014. Tuy nhiên chưa có trong kế hoạch đầu tư công.
2	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc	DGT	Trảng Bom, Thống Nhất	Các xã	32,02	28,20	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014. Tuy nhiên chưa có trong kế hoạch đầu tư công.
3	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ huyện	NTD	Long Thành	Long Phước	9,50	2,50	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015. UBND huyện Long Thành đề nghị không thực hiện tại Văn bản số 2781/UBND-KT ngày 19/5/2016.
4	Mỏ đá Bình Lợi (75K-2b)	SKX	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	40,00	40,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014. Dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.

ST T	Tên công trình, dự án	Loại đất	Huyện	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở đề xuất
5	Mỏ đá xây dựng Thiện Tân	SKX	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40	13,40	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014. Dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.
6	Mỏ đá Thiện Tân 1 A (Công ty TNHH Vĩnh Hải)	SKX	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00	4,00	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/7/2015. Dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.
7	Mỏ đá Thị trấn Vĩnh An (Công ty Tín Nghĩa)	SKX	Vĩnh Cửu	thị trấn Vĩnh An	17,90	1,03	Đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/7/2015. Dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất.



Nguyễn Phú Cường